|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNHUYỆN NINH SƠN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|  |  |

**PHỤ LỤC 1**

**Các chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số……/KH-UBND ngày … tháng 02 năm 2025*

*của UBND huyện Ninh Sơn)*

| **STT** | **Mục tiêu** | **Đơn vị thực hiện** | **Chỉ tiêu năm 2025** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Phát triển hạ tầng số** |  |  |  |
| 1 | Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến hộ gia đình | Phòng VHTT | trên 94% |  |
| 2 | Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến địa bàn thôn có dân cư | Phòng VHTT | 100% |  |
| 3 | Triển khai phủ sóng 100% mạng 5G tại thị trấn Tân Sơn | Phòng VHTT | 100% |  |
| 4 | Hạ tầng CNTT được rà soát, nâng cấp, bảo đảm liên thông kết nối từ huyện đến các xã, thị trấn | Phòng VHTT | 100% |  |
| 5 | Tỷ lệ dân số có điện thoại thông minh | UBND các xã, thị trấn  | 92% |  |
| 6 | Cơ quan nhà nước được kết nối vào mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước | Các cơ quan, phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 100% |  |
| **II** | **Phát triển Chính quyền số** |  |  |  |
| 1 | Văn bản điện tử gửi, nhận giữa các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp được ký số thay thế văn bản giấy (trừ văn bản mật) | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 100% |  |
| 2 | Dịch vụ công trực tuyến toàn trình được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 100% |  |
| 3 | Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 80% |  |
| 4 | Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính (TTHC) được tiếp nhận, xử lý trực tuyến | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 80% |  |
| 5 | Hồ sơ công việc tại huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 100% |  |
| 6 | Trang thông tin điện tử của huyện và các địa phương công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 100% |  |
| 7 | Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội của huyện và cấp xã được tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước) | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 100% |  |
| 8 | Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu mật, tuyệt mật và dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng) | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 70% |  |
| 9 | Tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | 95% |  |
| **III** | **Phát triển kinh tế số** |  |  |  |
| 1 | Sản phẩm OCOP của huyện tham gia sàn thương mại điện tử nội địa | Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Phòng Nông nghiệp | 100% |  |
| 2 | Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử | Chi cục Thuế NS-Bác Ái | 100% |  |
| **IV** | **Phát triển xã hội số** |  |  |  |
| 1 | Tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên có số tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác | Phòng VHTT | 100% |  |
| 2 | Tỷ lệ các cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID | Trung tâm Y tế | Trên 95% |  |
| 3 | Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn huyện triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt | Phòng Giáo dục và Đào tạo | 100% |  |
| 4 | Đảm bảo mỗi người dân có một danh tính số | Công an huyện | 100% |  |
| **V** | ***Đảm bảo an toàn thông tin mạng*** |  |  |  |
| 1 | Tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng theo cấp độ đã được phê duyệt | Phòng VHTT, VP HĐND-UBND huyện và UBND các xã, thị trấn |  |  |
| 2 | Hệ thống thông tin, hạ tầng máy chủ, thiết bị tại cơ quan, đơn vị, địa phương được bảo vệ phòng, chống tấn công mạng, sử dụng các hệ thống tường lửa, hệ thống phát hiện xâm nhập, hệ thống phòng chống mã độc | Phòng VHTT, VP HĐND-UBND huyện và UBND các xã, thị trấn | 100% |  |

**PHỤ LỤC 2**

**Danh mục các nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số khác dự kiến triển khai năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số……/KH-UBND ngày … tháng 02 năm 2025 của UBND huyện Ninh Sơn)*

| **STT** | **Nội dung, nhiệm vụ** | **Đơn vị chủ trì** | **Đơn vị phối hợp** | **Thời gian thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM** |  |  |  |
| **1** | **Nhận thức số** |  |  |  |
| a) | Triển khai các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số.  | Phòng VHTT | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| b) | Lựa chọn một thôn/khu phố để triển khai thử nghiệm công tác truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân.  | UBND các xã, thị trấn | Phòng VHTT | Năm 2025 |
| **2** | **Hạ tầng số** |  |  |  |
| a) | Phối hợp triển khai mạng lưới 5G tại thị trấn Tân Sơn. | Phòng VHTT | Sở TTTT, Các doanh nghiệp viễn thông | Năm 2025 |
| b) | Triển khai chuyển đổi IPv6 tại các cơ quan nhà nước. | Phòng VHTT, VP HĐND-UBND | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| **3** | **Dữ liệu số** |  |  |  |
|  | Triển khai cung cấp dữ liệu mở phục vụ cho người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu. | Phòng VHTT | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| **4** | **Chính quyền số** |  |  |  |
| a) | Tiếp tục triển khai thực hiện mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương có một sản phẩm chuyển đổi số cụ thể.  | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Phòng VHTT | Năm 2025 |
| b) | Xây dựng mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số gắn với chương trình nông thôn mới, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân. | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Phòng VHTT | Năm 2025 |
| c) | Tiếp tục hướng dẫn các phòng, ban, ngành, địa phương phổ cập Dịch vụ công trực tuyến toàn trình và triển khai thực hiện “Đề án Tuyên truyền, phổ biến về cung cấp và sử dụng hiệu quả DVCTT đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. | VP HĐND-UBND huyện | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| **5** | **Kinh tế số và xã hội số** |  |  |  |
|  | Tích hợp các nền tảng có tính hạ tầng trong việc triển khai các ứng dụng số như chữ ký số, thanh toán số, định danh số. | Phòng VHTT | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| **B** | **NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN** |  |  |  |
| **1** | **Nhận thức số** |  |  |  |
|  | Xây dựng ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, địa phương. | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Các đơn vị có liên quan | Năm 2025 |
| **2** | **Thể chế, chính sách số** |  |  |  |
| a) | Tiếp tục rà soát, tham mưu đề xuất xây dựng các cơ chế chính sách đủ mạnh để huy động nguồn lực đầu tư từ xã hội thực hiện chuyển đổi số; nhất là cơ chế chính sách tạo điều kiện, hỗ trợ phát triển kinh tế số, doanh nghiệp chuyển đổi số trên các lĩnh vực trọng điểm. | Phòng Tài chính - Kế hoạch | Phòng VHTT | Năm 2025 |
| b) | Tổng kết tình hình triển khai thực hiện Chương trình hành động số 123-CTr/HU ngày 09/02/2022 của Ban Thường vụ huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030. | Phòng VHTT | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| **3** | **Hạ tầng số** |  |  |  |
| a) | Triển khai các điểm phát sóng 5G trên địa bàn thị trấn Tân Sơn, nâng cao chất lượng mạng di động 4G; nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh. | Phòng VHTT | Sở TTTT, các doanh nghiệp viễn thông | Năm 2025 |
| b) | Triển khai hướng dẫn và cấp chữ ký số cho người dân. | UBND các xã, thị trấn | Các doanh nghiệp | Năm 2025 |
| **4** | **Phát triển dữ liệu số** |  |  |  |
|  | Xây dựng, hoàn thiện các CSDL ngành, lĩnh vực: đất đai, hộ tịch, y tế… | Các phòng, ban, ngành | UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| **5** | **An toàn thông tin mạng** |  |  |  |
| a) | Tập trung triển khai nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin. Bảo đảm 100% hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ đã được phê duyệt. | Phòng VHTT, VP HĐND-UBND huyện | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| b) | Duy trì và nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình “4 lớp”. | Phòng VHTT, VP HĐND-UBND huyện | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| **6** | **Nhân lực số** |  |  |  |
| a) | Tiếp tục duy trì, tăng cường triển khai công tác bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số nói chung, chính quyền số, kinh tế số, an toàn thông tin cho cán bộ công chức, viên chức, người lao động. | Phòng VHTT | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| b) | Tiếp tục triển khai phổ cập kỹ năng số cho người dân thông qua các Tổ công nghệ số cộng đồng hướng dẫn người dân các kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản. | UBND các xã, thị trấn | Các đơn vị có liên quan | Năm 2025 |
| **7** | **Chính quyền số** |  |  |  |
| a) | Thực hiện rà soát, cập nhật, nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của huyện đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp DVC trực tuyến. Tập trung thực hiện rà soát quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn thực hiện trực tiếp trên cơ sở số hóa, tái sử dụng dữ liệu, liên thông điện tử. | VP HĐND-UBND huyện | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| b) | Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID. | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | VP HĐND-UBND huyện | Năm 2025 |
| c) | Duy trì hệ thống thông tin báo cáo của Huyện kết nối với hệ thống thông tin báo cáo của Tỉnh, Chính phủ. | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | VP HĐND-UBND huyện | Năm 2025 |
| **8** | **Kinh tế số và xã hội số** |  |  |  |
| a) | Tiếp tục triển khai các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số vào trong quản lý, quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm từ ứng dụng công nghệ số. | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Phòng VHTT | Năm 2025 |
| b) | Phát triển kinh tế số trong lĩnh vực thương mại điện tử. | Phòng Kinh tế - Hạ tầng | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| c) | Thúc đẩy chuyển đổi số tại các doanh nghiệp; tập trung chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển nông nghiệp công nghệ cao; tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất, truy xuất nguồn gốc; số hóa quy trình sản xuất, quản trị doanh nghiệp cả trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng …  | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Phòng VHTT | Năm 2025 |
| d) | Phát triển nền tảng thanh toán trực tuyến theo hướng mở rộng, đa dạng hình thức thanh toán và triển khai nhân rộng cho các dịch vụ sự nghiệp công (học phí, viện phí,...) và các giao dịch dân sự (thương mại điện tử, đấu giá tài sản...) | Các ngân hàng trên địa bàn huyện | Các đơn vị có liên quan | Năm 2025 |
| đ) | Tiếp tục triển khai các mô hình theo đề án 06/CP. | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Công an huyện | Năm 2025 |
| **9** | **Các nhiệm vụ khác** |  |  |  |
| a) | Tiếp tục thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến đối với UBND huyện. | VP HĐND-UBND | Các đơn vị có liên quan | Năm 2025 |
| b) | Tiếp tục thuê dịch vụ hội nghị truyền hình trực tuyến UBND các xã, thị trấn. | UBND các xã, thị trấn | Các đơn vị có liên quan | Năm 2025 |
| c) | Tiếp tục triển khai phần mềm theo dõi kết quả xử lý, giải quyết công việc | VP HĐND-UBND | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| d) | Tiếp tục triển khai phần mềm quản lý cán bộ công chức, viên chức | Phòng Nội vụ | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| đ) | Triển khai phần mềm Tổng kiểm kê tài sản công | Phòng Tài chính – Kế hoạch | Các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn | Năm 2025 |
| … |  |  |  |  |